

Số: 58 /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;*

*Xét Tờ trình số 800/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh An Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng
của cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban
Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng
tháng của cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh An Giang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số
trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số

168/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh An Giang.
- b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số

Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:

- a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên; các ấp đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các ấp tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các khóm, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;
- b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- 1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.
- 2. Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung, mức chi một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2026. *uuu*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Thị Thanh Hương